

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113/2005/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2005*

### QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010**

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**Phan Văn Khải**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

**Thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 113/2005/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)*

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ để chỉ đạo và điều hành thực hiện các hoạt động đầu tư phát triển và quản lý phát triển làm căn cứ để các cấp, các ngành, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế định hướng các hoạt động của mình, đảm bảo đưa vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ sớm tiến kịp các vùng khác trong nước, trở thành một đầu cầu lớn của cả nước trong giao lưu, hợp tác kinh tế quốc tế; cải thiện căn bản đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân trong vùng; hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của thiên tai; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái.

### A. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

**I. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, gắn quy hoạch với kế hoạch 5 năm 2006 - 2010. Xác định rõ những vấn đề về an ninh, quốc phòng cần phải điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo cho phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010.**

Trên cơ sở các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sản phẩm đã có, các Bộ, ngành, các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý theo chức năng của mình và trình Thủ tướng Chính phủ vào quý III năm 2005.

Yêu cầu về rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phải đạt được là:

- Quán triệt và cụ thể hóa các nội dung theo tinh thần Nghị quyết số 39/NQ-TW, cập nhật, bổ sung phù hợp với điều kiện mới.

- Xác định rõ trong quy hoạch về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội (giao thông, điện, thủy lợi, khu công nghiệp, trường học, cơ sở khám chữa bệnh, các công trình văn hóa...) đối với các ngành sản xuất kinh doanh chỉ nêu định hướng và xác định lĩnh vực cần ưu tiên tập trung đầu tư phát triển, đề ra các chính sách để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển.

- Xác định rõ các chương trình, dự án đầu tư trong 5 năm tới, nhu cầu về vốn và cơ cấu vốn đầu tư cho từng chương trình, dự án và các giải pháp, cơ chế chính sách huy động vốn đầu tư. Lựa chọn, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên thực hiện các đề án, dự án quan trọng để đưa vào kế hoạch 5 năm 2006 - 2010.

### 1. Đối với các Bộ, ngành.

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010; Chương trình hành động và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế đối ngoại vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, trình Chính phủ trong quý III năm 2005.

b) Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với

các Bộ, ngành và các địa phương liên quan nghiên cứu và trình Chính phủ quy hoạch xây dựng vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị và các khu dân cư vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; quy hoạch tổng thể quản lý chất thải rắn vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; quy hoạch xây dựng tổng thể mặt bằng cho các khu kinh tế, các đô thị mới Nghi Sơn, Lam Sơn (Thanh Hóa), Hoàng Mai, Nghĩa Đàn (Nghệ An), Vũng Áng (Hà Tĩnh), Lao Bảo (Quảng Trị), Chân Mây (Thừa Thiên - Huế), Điện Ngọc - Điện Nam (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi), Hòa Hiệp (Phú Yên), Văn Phong (Khánh Hòa); quy hoạch mạng lưới cấp nước sinh hoạt ở các thị xã, thị trấn, thị tứ và khu vực nông thôn.

c) Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành công nghiệp (nhất là đối với công nghiệp cơ khí đóng tàu, vật liệu xây dựng, sản xuất điện); phối hợp với Bộ Giao thông vận tải bổ sung quy hoạch tuyến dẫn nhiên liệu lên Tây Nguyên; quy hoạch phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực của vùng; khẩn trương hoàn thành chiến lược phát triển ngành dầu khí làm cơ sở cho việc xây dựng phát triển quy hoạch ngành, trong đó có quy hoạch phát triển các trung tâm lọc - hóa dầu.

Thực hiện các chương trình hành động của ngành như: phát triển công nghiệp, đẩy mạnh sản xuất; tăng cường đầu tư phát triển ngành gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển công nghiệp vừa và nhỏ, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; tiếp tục sắp xếp đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì nghiên cứu phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển nông, lâm, thủy lợi, trong đó chú trọng tới củng cố và tăng cường hệ thống nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ ngành nông nghiệp, phát triển hệ thống chế biến nông, lâm sản gắn với vùng nguyên liệu nhằm đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu, tập trung vào các sản phẩm cây công nghiệp ngắn ngày, cây cao su, cây điều và lâm sản; quy hoạch phát triển thủy lợi bảo đảm phòng, chống lũ, cấp nước và phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái vùng.

đ) Bộ Thủy sản phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương trong vùng nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành thủy sản, quy hoạch khai thác, chế biến và nuôi trồng thủy sản của vùng.

e) Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương trong vùng nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung chiến lược và

các quy hoạch đã được duyệt: chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2010, quy hoạch chi tiết các nhóm cảng biển, các quy hoạch phát triển chuyên ngành giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường sông, hệ thống cảng hàng không đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; hoàn thiện và đẩy mạnh tiến độ thực hiện để sớm phê duyệt các dự án: quy hoạch chi tiết các nhóm cảng biển còn lại, quy hoạch chi tiết cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, quy hoạch tổng thể mạng đường bộ cao tốc, đường sắt cao tốc đến năm 2020, quy hoạch đường sắt lên Tây Nguyên, quy hoạch phát triển giao thông vận tải Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, quy hoạch phát triển giao thông vận tải tuyến hành lang biên giới và đường tuần tra biên giới miền Trung đến năm 2010, quy hoạch hệ thống đường ven biển và các quy hoạch khác.

g) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và các địa phương xây dựng trình Chính phủ về rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể các khu vực có liên quan đến mục tiêu quân sự, khu vực phòng thủ; xây dựng khu kinh tế quốc phòng và mạng lưới các đồn biên phòng ở vùng phía Tây đường Hồ Chí Minh của vùng; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu quốc phòng - an ninh và nhu cầu kinh tế dân sinh trên các huyện đảo, xã, đảo đến năm 2010.

h) Bộ Bưu chính, Viễn thông chủ trì nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bưu chính, viễn thông đảm bảo thông tin liên lạc theo hướng hiện đại vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

i) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ Đề án phát triển các Trung tâm nghiên cứu khoa học, các phòng thí nghiệm trọng điểm tại vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

k) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ về rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của vùng đến năm 2010; quy hoạch khai thác, sử dụng tổng hợp và bảo vệ tài nguyên nước các lưu vực sông lớn; Đề án phòng, chống thiên tai vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Chương trình quản lý tổng hợp dải ven biển của vùng.

l) Bộ Thương mại chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ trong quý III năm 2005 về rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng dịch vụ ngành; Chương trình xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu; Đề án mở rộng hợp tác thương mại ngoại vùng.

m) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và trình Chính phủ Đề án rà soát, bổ sung và điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề; hướng dẫn các địa phương quy hoạch cơ sở chữa trị, phục hồi người nghiện ma

túy cho các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

n) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ về rà soát quy hoạch và xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; Đề án đẩy mạnh thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà ở cho giáo viên tại các xã đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; Đề án đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho các trường đại học vùng: Đại học Vinh, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Đại học Quy Nhơn và Đại học Nha Trang.

o) Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các địa phương nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ quy hoạch phát triển y tế vùng; các trung tâm y tế chất lượng cao, chuyên sâu trong vùng; y tế cơ sở của các địa phương; Đề án nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm, bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS tại các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

p) Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương nghiên cứu xây dựng trình Chính phủ Đề án đầu tư tôn tạo các di tích văn hóa, di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến; bảo tồn, giữ gìn và phát huy các di sản thiên nhiên và

văn hóa được UNESCO công nhận; Đề án đầu tư xây dựng mạng lưới thiết chế văn hóa - thông tin cấp xã, phường và xóm, thôn, bản ở các tỉnh; xây dựng kế hoạch bảo tồn phát triển văn hóa - thông tin các dân tộc thiểu số vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

q) Tổng cục Du lịch chủ trì, phối hợp với các địa phương nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển và xây dựng kế hoạch đầu tư đến năm 2010 hệ thống các khu du lịch hiện đại chất lượng cao; phát triển các khu vui chơi, giải trí trong các khu kinh tế và trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; Đề án phát triển các tour du lịch miền Trung gắn với du lịch vùng Tây Nguyên và khu vực các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Công; Chương trình xúc tiến quảng bá du lịch miền Trung.

r) Đài Truyền hình Việt Nam nghiên cứu, xây dựng và Bộ Văn hóa - Thông tin thẩm định trước khi trình Chính phủ Đề án mở rộng mạng phủ sóng truyền hình tới các huyện miền núi, biên giới phía Tây; kế hoạch và lộ trình triển khai tăng thời lượng phát sóng truyền hình bằng tiếng dân tộc đối với vùng.

s) Đài Tiếng nói Việt Nam nghiên cứu, xây dựng và Bộ Văn hóa - Thông tin thẩm định trước khi trình Chính phủ Đề án mở rộng mạng phủ sóng truyền thanh tới các huyện miền núi, biên giới phía Tây; kế hoạch và lộ trình triển khai tăng thời lượng phát sóng truyền thanh bằng tiếng dân tộc đối với vùng.

t) Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em

chủ trì xây dựng và trình Chính phủ Đề án tăng cường chăm sóc sức khỏe sinh sản kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

u) Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương nghiên cứu xây dựng và trình Chính phủ Đề án phát triển kinh tế - xã hội khu vực các dân tộc thiểu số rất ít người của vùng; Đề án định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc; Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số; chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã vùng miền núi, biên giới.

v) Các Bộ, ngành khác theo chức năng của mình tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển của ngành trên vùng.

## 2. Đối với các địa phương.

Ủy ban nhân dân các địa phương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành rà soát lại các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên tinh thần Nghị quyết số 39/NQ-TW, đồng thời xây dựng kế hoạch đầu tư cụ thể của địa phương đến năm 2010, trong đó xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên, giải pháp về huy động và sử dụng vốn cho từng chương trình, dự án trình Chính phủ. Cập nhật các dự báo, xem xét lại các khả năng hiện thực, xác định lại cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và đảm bảo phát triển bền vững. Công khai hóa các quy

hoạch đô thị, khu công nghiệp, kể cả các khu công nghiệp nhỏ, làng nghề và các vùng sản xuất cây, con đặc sản có chất lượng và năng suất cao.

Rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy hoạch phát triển các khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu, khu thương mại, khu công nghiệp, hệ thống các đô thị và khu dân cư trên địa bàn tỉnh phù hợp với định hướng chung của quốc gia... Nêu rõ nhu cầu, cơ cấu đầu tư và giải pháp huy động vốn thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm đã được duyệt để đưa vào đầu tư và các dự án chương trình đang trong giai đoạn xây dựng trình Chính phủ phê duyệt để đầu tư trong giai đoạn từ nay đến năm 2010.

**II. Xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2006 - 2010 của ngành và địa phương trong lĩnh vực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.**

Tiếp tục đầu tư hoàn thành dứt điểm các dự án thực hiện trên vùng từ nay đến năm 2010, đồng thời tiến hành các hoạt động chuẩn bị tiền đề cho đầu tư hạ tầng quan trọng sau năm 2010. Cụ thể là:

### **1. Kết cấu hạ tầng kinh tế.**

Ưu tiên phát triển mạng lưới giao thông, đặc biệt là giao thông đường bộ, cảng biển, các công trình thủy lợi đầu mối có ý nghĩa quan trọng đối với sản xuất, hạ tầng du lịch và các ngành kinh tế khác.

a) Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương huy động các nguồn vốn, từng bước triển khai thực hiện các dự án chính như: đường bộ cao tốc Hà Nội - Ninh Bình - Vinh, Quảng Trị - Huế - Đà Nẵng, Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Quy Nhơn, Hà Lam - Khâm Đức; nhánh đường Đông Trường Sơn; đường ven biển của vùng; dự án hầm đường bộ Đèo Cả; cảng trung chuyển quốc tế Văn Phong.

- Chủ trì thực hiện, giám sát và đôn đốc các đơn vị liên quan đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư các công trình, dự án xây dựng bằng nguồn vốn ODA, vốn ngân sách và trái phiếu Chính phủ:

Các dự án nâng cấp, khôi phục Quốc lộ 1A đoạn Đông Hà - Quảng Ngãi (WB3), đoạn Quảng Ngãi - Nha Trang (ADB3); Quốc lộ 9 hành lang Đông Tây (Đông Hà - Lao Bảo, Quảng Trị); Quốc lộ 49B (đoạn km 14 - km 40) (Thừa Thiên Huế); Quốc lộ 47 (cầu vượt Lê Lợi, Thanh Hóa và các cầu đường bộ trên Quốc lộ 1A; Quốc lộ 14D (Quảng Nam); đường Hồ Chí Minh; đường Vũng Áng - biên giới Việt Lào; đường Tây Thanh Hóa, Tây Nghệ An; Quốc lộ 7, Quốc lộ 8, Quốc lộ 27, Quốc lộ 217, và các quốc lộ khác; tuyến miền Tây nối 3 tỉnh Bình Định - Phú Yên - Đắk Lắk. Nâng cấp, mở rộng cảng Cửa Lò, Vũng Áng, Tiên Sa, Dung Quất, Quy Nhơn, Nha Trang; nhà ga cảng hàng không sân bay Đà Nẵng, Cam Ranh, Chu Lai; nâng cấp, cải tạo đường sắt tuyến Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các địa phương trong vùng quản lý thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả các dự án đầu tư ưu tiên các công trình thủy lợi theo kế hoạch đến năm 2010, bao gồm:

- Các dự án chuyển tiếp bằng nguồn vốn ngân sách, vốn tín dụng, trái phiếu Chính phủ như dự án hồ Cửa Đạt (Thanh Hóa); nâng cấp hệ thống thủy lợi hồ Đò Điếm (Hà Tĩnh); hồ Ái Tử (Quảng Trị); hồ Truồi, cụm công trình thủy lợi A Lưới, đập Thảo Long (Thừa Thiên - Huế); Phú Ninh (Quảng Nam); hồ Đồng Tròn; Định Bình (Bình Định); công trình sau thủy điện sông Hinh (Phú Yên); hồ Suối Dầu; hồ Sông Sắt, hồ Sông Trâu, hồ Tân Giang (Ninh Thuận), dự án tưới Phan Rí - Phan Thiết, kiên cố hóa kênh Sông Quao, hồ Lòng Sông (Bình Thuận).

- Các dự án xây dựng mới huy động vốn trong nước bằng hình thức trái phiếu Chính phủ và vốn ngân sách Nhà nước: hồ Bản Mông (Nghệ An); hồ Rào Đá (Quảng Bình); hồ Tả Trạch (Thừa Thiên - Huế); hồ Đồng Tiến (Quảng Nam); hồ Nước Trong (Quảng Ngãi); hệ thống tưới Văn Phong (Bình Định), hồ Mỹ Lâm (Phú Yên), hồ Hoa Sơn, hồ Tà Rục (Khánh Hòa), hồ Tân Mỹ (Ninh Thuận), hồ Tà Pao, hồ Sông Móng (Bình Thuận).

Các dự án xây dựng kè chống sạt lở bờ sông, chống bồi lấp cửa sông, ven biển và xói lở bờ biển.

c) Bộ Thủy sản phối hợp với các địa phương trong vùng quản lý thực hiện

đúng tiến độ và có hiệu quả các dự án đầu tư đang thực hiện và chuyển tiếp: Trung tâm giống hải sản quốc gia miền Trung, các Trung tâm sản xuất và kiểm định giống thủy sản tập trung trong vùng, phân viện nghiên cứu thủy sản Bắc Trung Bộ, dự án thông tin liên lạc phục vụ cho tàu thuyền khai thác hải sản tại ngư trường trọng điểm, dự án xây dựng Trung tâm quan trắc, cảnh báo môi trường, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản, dự án xây dựng chợ cá đầu mối, khu dịch vụ hậu cần nghề cá, các khu neo đậu phòng tránh trú bão vùng, các khu bảo tồn biển.

d) Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các địa phương tổng hợp, đề xuất danh mục các chương trình, dự án về nâng cấp và xây dựng mới các công trình cấp nước sản xuất và sinh hoạt cho dân cư được ưu tiên bố trí các nguồn vốn để thực hiện.

đ) Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương luận chứng khả thi dự án đầu tư xây dựng hệ thống truyền tải điện quốc gia. Xây dựng hệ thống điện cho các huyện đảo, xã đảo.

e) Bộ Bưu chính, Viễn thông chủ trì đôn đốc và giám sát thực hiện các dự án đầu tư phát triển hệ thống bưu chính, viễn thông, đảm bảo truyền dẫn liên tỉnh thông suốt và dịch vụ Internet đến các trung tâm thành phố, thị xã và thị trấn; đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc tới tất cả các xã.

g) Tổng cục Du lịch phối hợp với các địa



phương trong vùng triển khai xây dựng các khu du lịch; quản lý thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả các dự án đầu tư hạ tầng du lịch theo kế hoạch đến năm 2010.

- Xác định thứ tự ưu tiên đầu tư, đơn đốc thực hiện các hoạt động chuẩn bị đầu tư và triển khai đúng tiến độ các dự án xây dựng các khu, tuyến du lịch tổng hợp như: Sầm Sơn - Lam Sơn; Kim Liên - Cửa Lò; Phong Nha - Kẻ Bàng; Vinh Mốc - Hiền Lương - Khe Sanh; Huế - Cảnh Dương - Hải Vân - Non Nước; Hội An - Mỹ Sơn; Văn Phong - Đại Lãn; Nha Trang; Hàm Tân - Mũi Né; hệ thống Tháp Chàm từ Quảng Nam đến Bình Thuận cùng với nhiều khu du lịch chuyên đề khác.

h) Bộ Thương mại phối hợp với các địa phương trong vùng nghiên cứu đề xuất các dự án kết cấu hạ tầng thương mại đề nghị nhà nước hỗ trợ đầu tư, bao gồm các dự án xây dựng, cải tạo chợ tại các khu vực cửa khẩu, các địa phương biên giới.

i) Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương trong vùng bố trí vốn tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng các khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu (trong đó có các kho ngoại quan) có kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa lớn, phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu, bưu chính, viễn thông để tăng nguồn thu ngân sách và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng.

k) Bộ Quốc phòng triển khai xây dựng tuyến đường Trường Sơn Đông theo

đúng tiến độ và đúng quy định xây dựng cơ bản hiện hành.

## 2. Kết cấu hạ tầng xã hội và bố trí dân cư.

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các địa phương vùng thực hiện các dự án phát triển mạng lưới các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp của vùng theo quy hoạch; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các trường đại học vùng. Sắp xếp đầu tư xây dựng theo thứ tự ưu tiên và có kế hoạch triển khai cụ thể.

Phối hợp với các địa phương trong vùng thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà ở cho giáo viên tại các xã đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo; xây dựng mạng lưới trường học, nhất là mạng lưới trường mầm non, trường dân tộc nội trú và các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề ở các huyện miền núi, hải đảo.

b) Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu cấp vùng kỹ thuật cao tại Huế và Đà Nẵng; xây dựng đề án phát triển trung tâm y tế vùng ở Vinh, Nha Trang; xây dựng đề án tổng thể nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa huyện và trạm y tế xã.

c) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các địa phương trong vùng triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội của các xã đặc biệt khó khăn, các

xã biên giới, kết cấu hạ tầng các tuyến dân cư, các trung tâm cụm xã dọc tuyến biên giới Việt - Lào đảm bảo ổn định các nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân gắn với nhiệm vụ bảo vệ an ninh - quốc phòng.

d) Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương trong vùng thực hiện dự án xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa - thông tin cơ sở, bảo tồn phát triển văn hóa - thông tin vùng dân tộc thiểu số, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

đ) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu trình Chính phủ hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đầu tư các dự án trường dạy nghề các địa phương, trường đào tạo giáo viên dạy nghề khu vực; đầu tư, nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm kỹ thuật Vinh thành trường Đại học Sư phạm kỹ thuật; hỗ trợ đầu tư cơ sở chữa trị, cai nghiện phục hồi cho các tỉnh trong vùng.

### **III. Xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2006 - 2010 của ngành và địa phương trong lĩnh vực phát triển các ngành sản phẩm chủ yếu của vùng.**

Chương trình đầu tư 5 năm (2006 - 2010) đối với vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ hướng vào mục tiêu thúc đẩy nhanh chóng việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu sản phẩm trong các ngành kinh tế, tập trung vào các sản phẩm thủy điện, xi măng, thép, lọc dầu và dịch vụ du lịch và các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp.

1. Bộ Công nghiệp phối hợp với các chủ đầu tư, các địa phương lập kế hoạch, xây dựng giải pháp về vốn và cơ chế phối hợp thực hiện các dự án xây dựng khu liên hợp luyện kim tại Thạch Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương liên quan xây dựng các giải pháp, cơ chế, chính sách huy động vốn, đặc biệt là từ các nguồn vốn ngoài nhà nước để các công trình trong thời kỳ 2005 - 2010 triển khai theo tiến độ đề ra, trong đó quan trọng nhất là:

- Thực hiện các dự án đầu tư chuyển tiếp. Về thủy điện như thủy điện Nhạn Hạc và Bản Cốc, Bản Vẽ (Nghệ An), Quảng Trị (Quảng Trị), Bình Điền (Thừa Thiên - Huế), A Vương 1, Sông Tranh 2 (Quảng Nam), Đại Ninh, Bắc Bình (Bình Thuận), Thượng Kon Tum (Quảng Ngãi), Sông Ba Hạ (Phú Yên). Các công trình khác như Nhà máy bia Hà Nội - Quảng Bình (Quảng Bình), Nhà máy bia (Vĩnh Phúc), Nhà máy bột giấy Thanh Hóa (Thanh Hóa).

- Các dự án đầu tư khởi công mới. Về điện như nhiệt điện Nghi Sơn (Thanh Hóa), Nông Sơn (Quảng Nam); thủy điện Cửa Đạt (Thanh Hóa), Thác Muối (Nghệ An), Sông Côn 2 (Quảng Nam), Đak Rinh (Quảng Ngãi), An Khê Kanak (Bình Định), Ea Krông Năng (Phú Yên), La Ngâu, Đan Sách (Bình Thuận). Các công trình khác như nhà máy sản xuất lớp ô tô radian (Đà Nẵng), dự án sản xuất PP, PE (Quảng Ngãi); Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất (Quảng Ngãi), Nhà máy lọc dầu số 2 (Thành Hóa); Nhà

máy cán nóng thép tấm (miền Trung), mỏ Thạch Khê và liên hợp luyện kim (Hà Tĩnh); Nhà máy chế biến pigment (TiO<sub>2</sub>) (Hà Tĩnh); Nhà máy cán thép dài (Đà Nẵng); Nhà máy lắp ráp và sản xuất linh kiện ô tô Kamaz (Quảng Nam).

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tích cực triển khai dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất, phấn đấu đưa Nhà máy vận hành vào cuối năm 2008, đầu năm 2009, đồng thời tích cực tìm đối tác liên doanh hoặc 100% vốn để xây dựng liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thanh Hóa).

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương trong vùng khẩn trương xây dựng dự án sản xuất sản phẩm chủ lực như phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, cây cao su, cây điều, chăn nuôi bò thịt, phát triển khoanh nuôi, tập trung đầu tư trồng rừng phòng hộ. Lập kế hoạch trồng rừng sản xuất và có các chính sách huy động các thành phần kinh tế tham gia trồng và bảo vệ rừng, gắn với công nghiệp chế biến gỗ.

3. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các chủ đầu tư, các địa phương đẩy nhanh tiến độ xây dựng và thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả các dự án đầu tư theo kế hoạch đến năm 2010 các dự án đầu tư chuyển tiếp như dây chuyền 3 xi măng Bỉm Sơn (Thanh Hóa), xi măng Sông Gianh (Quảng Bình), xi măng Thạch Mĩ (Quảng Nam).

Đồng thời phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương có liên quan lập kế

hoạch phát triển thêm một số nhà máy xi măng mới như xi măng Nghi Sơn 2 (Thanh Hóa), xi măng Đồng Lâm (Thừa Thiên - Huế).

Phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương xây dựng các giải pháp, cơ chế, chính sách huy động vốn đặc biệt là từ các nguồn vốn trong và ngoài nhà nước để lập kế hoạch triển khai chuyển đổi các nhà máy xi măng lò đứng sang công nghệ lò quay.

4. Các Bộ, ngành xây dựng kế hoạch định hướng và giải pháp phát triển các sản phẩm dịch vụ theo chức năng quản lý của từng Bộ, ngành; tập trung vào các sản phẩm dịch vụ vận tải hàng không, vận tải biển, vận tải bằng đường bộ; viễn thông, tài chính, ngân hàng, các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin và Internet; dịch vụ ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, dịch vụ khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

#### **IV. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, khung khổ thể chế về quản lý và điều hành thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-TW**

Để thống nhất chỉ đạo và điều hành có hiệu quả các hoạt động của Chương trình hành động, điều cốt yếu quyết định thành công là hoàn thiện cơ chế, chính sách, khung khổ thể chế về quản lý và điều hành thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-TW, huy động đủ nguồn lực và xây dựng cho được hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh và đội ngũ cán bộ quản lý và điều hành linh hoạt, có năng lực. Cụ thể Chính phủ giao nhiệm vụ như sau:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương trong vùng đề xuất các khung cơ chế, chính sách đặc thù cụ thể cho cả vùng và riêng cho vùng kinh tế trọng điểm, trình Chính phủ trong quý IV năm 2005:

- Tính toán cân đối nguồn vốn và đề xuất với Chính phủ về cơ chế chính sách ưu tiên hỗ trợ về vốn để thực hiện và đưa vào kế hoạch đầu tư thời kỳ 2006 - 2010. Cơ chế, chính sách quản lý và phân bổ hợp lý nguồn vốn ngân sách cho các địa phương để thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 39/NQ-TW.

- Chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút vốn đầu tư, đặc biệt là thu hút vốn đầu tư nước ngoài và vận động xúc tiến đầu tư vào sản xuất công nghiệp, phát triển dịch vụ, du lịch vào khu khuyến khích và phát triển thương mại Chân Mây, khu kinh tế mở Chu Lai, khu kinh tế tổng hợp Dung Quất, Nhơn Hội, Văn Phong, các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu.

- Cơ chế, chính sách đào tạo nguồn nhân lực.

- Cơ chế, chính sách liên kết trong vùng, giữa vùng kinh tế trọng điểm và ngoài vùng kinh tế trọng điểm, hợp tác liên kết với các vùng khác.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu xây dựng trình Chính phủ trong quý IV năm 2005 về cơ chế, chính sách ưu đãi về tài chính đối với vùng đến năm 2010.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu, tập trung vào rà soát, chỉnh sửa tháo gỡ khó khăn trong đầu tư, tín dụng đối với vùng.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, nghiên cứu và đề xuất với Chính phủ các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao thích nghi với điều kiện sinh thái của vùng.

5. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan nghiên cứu đề xuất và trình Chính phủ trong quý IV năm 2005:

- Cơ chế chính sách trong đầu tư phát triển và hợp tác phối hợp sử dụng có hiệu quả các cảng biển ở khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

- Phương thức vận tải đường bộ và vận tải đa phương thức trong khu vực ASEAN.

6. Bộ Thương mại chủ trì xây dựng đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách và trình Chính phủ về phương thức tiêu thụ nông sản, phát triển thị trường và hoàn thiện cơ chế hoạt động của ngành thương mại ở vùng.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì nghiên cứu xây dựng, đề xuất và trình Chính phủ trong quý III năm 2005 về cơ chế, chính sách đặc biệt ưu đãi và khuyến khích đầu tư nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao thành tựu khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh tại vùng.

8. Bộ Y tế chủ trì, nghiên cứu xây dựng, đề xuất và trình Chính phủ trong quý III năm 2005 về chính sách hỗ trợ đầu tư cho Quỹ khám chữa bệnh người nghèo và tăng cường kết hợp Quân - Dân y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tại các huyện miền núi, hải đảo, biên giới phía Tây của các tỉnh trong vùng.

9. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu đề xuất và trình Chính phủ trong quý IV năm 2005 về chính sách ưu tiên đặc biệt trong bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công chức cơ sở ở địa phương là vùng cao, vùng biên giới, vùng các xã đặc biệt khó khăn; cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu xây dựng kế hoạch về kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính các cấp được quy định trong Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 từ nay đến năm 2010 theo tinh thần cải cách hành chính trong việc thực hiện Nghị quyết số 39/NQ-TW của Bộ Chính trị về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

10. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương trong vùng xây dựng và tổ chức triển khai công tác đảm bảo an ninh, trật tự phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến

năm 2010, trình Chính phủ trong quý II năm 2005. Tập trung xây dựng và triển khai công tác đảm bảo an ninh đối với một số lĩnh vực, địa bàn trọng điểm như: đối với chương trình phát triển kinh tế biển; đối với các tỉnh có biên giới giáp Lào; với các tỉnh có các dự án trọng điểm, thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài; với các tỉnh phụ cận Tây Nguyên; với các tỉnh trọng điểm về tôn giáo và các tỉnh tập trung đồng bào dân tộc Chăm. Cơ chế phối hợp giữa Bộ Công an với các ngành, địa phương trong việc tìm chọn đối tác, thẩm định các đối tác nước ngoài tham gia đầu tư kinh tế vùng. Chính sách và cơ chế quản lý nâng cao hiệu quả công tác phòng và chống các tệ nạn ma túy, mại dâm và buôn bán phụ nữ qua biên giới, buôn bán tiền giả, vận chuyển và buôn bán vũ khí qua biên giới. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân các tỉnh phối hợp lực lượng và củng cố chính quyền cơ sở để xử lý, ngăn chặn các hoạt động ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội.

11. Bộ Tư pháp rà soát lại hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế điều hành, chính sách ưu tiên phát triển vùng khó khăn trong các lĩnh vực đầu tư, phân bổ và quản lý sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, định hướng thị trường và hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho phát triển, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng.

12. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu trình Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển

dạy nghề, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội và cai nghiện phục hồi cho các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

13. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, đề xuất bổ sung chính sách tổ chức hoạt động và hưởng thụ văn hóa - thông tin vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

14. Bộ Thủy sản chủ trì đề xuất chính sách phát triển nguồn nhân lực, cơ chế chính sách quản lý các cảng cá, chợ cá đầu mối, hệ thống thông tin nghề cá, nơi neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng giống tập trung, chính sách quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản chế biến, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất thủy sản vùng bãi ngang ven biển, hải đảo và chính sách nuôi trồng thủy sản trên biển.

#### **V. Thông tin tuyên truyền về Nghị quyết**

Văn phòng Chính phủ phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, các Bộ, ngành và các địa phương trong vùng phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và các Đài phát thanh - truyền hình các địa phương, tổ chức phổ biến rộng rãi về Nghị quyết số 39/NQ-TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, các quy hoạch, kế hoạch và các chương trình trọng điểm cần triển khai trên địa bàn vùng tới các tổ

chức Đảng, đoàn thể, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đối với đội ngũ doanh nhân....

### **B. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

Căn cứ vào Chương trình hành động của Chính phủ, các ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý được giao trên cơ sở rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đã có, xác định các dự án, đề án, chương trình ưu tiên, các nguồn lực cần huy động, những chính sách cần điều chỉnh hoặc ban hành bổ sung và kế hoạch đầu tư, thời gian thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ từ nay đến năm 2010.

1. Trên cơ sở tiếp tục cụ thể hóa về thực hiện những nội dung chủ yếu được nêu ra trong Chương trình hành động của Chính phủ, theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực tiếp chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động của Bộ, ngành, địa phương mình; thực hiện các đề án, dự án, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách và bộ máy theo sự phân công của Chính phủ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ tập trung chỉ

đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong Chương trình hành động, kịp thời đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với tình hình cụ thể và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chương trình hành động này.

**3.** Các Bộ, ngành được phân công chủ trì thực hiện các Chương trình, dự án, đề án, xây dựng chính sách chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức

nghiên cứu, xây dựng và báo cáo kết quả đúng theo tiến độ thời gian đã quy định tại các phiên họp thường kỳ của Chính phủ.

**4.** Trên cơ sở quy hoạch của các ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt, giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Chính phủ các giải pháp cụ thể về cơ chế, chính sách, về vốn đầu tư... để triển khai thực hiện ngay trong kế hoạch 5 năm 2006 - 2010./.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỦ YẾU CỦA VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI TRUNG BỘ ĐẾN NĂM 2010

Đơn vị: tỷ đồng

Số thứ tự	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn hết năm 2004	Dự kiến 2005 - 2010	Nguồn vốn
<b>THỦY LỢI</b>								
I	Các dự án chuyển tiếp							
1	Hồ Cửa Đạt	Thanh Hóa	T86862	2003-2010	2.417	190,5	2226,7	Trái phiếu CP
2	Đò Điem	Hà Tĩnh	NM+T6671	2001-2004	135	26,5	108,5	Trái phiếu CP
3	Hồ Truồi	Thừa Thiên - Huế	T1300	1994-2006	180,6	164	16,6	Vốn ngân sách
4	Hồ Ái Tử	Quảng Trị	T1041	1999-2004	40.333	39,485	0.848	Vốn ngân sách
5	Đập Thả Long	Thừa Thiên - Huế	NM+CN	2001-2005	112	58	54	Trái phiếu CP
6	Hồ Đồng Tròn	Phú Yên	T1500	1998-2006	60.432	47.497	12.935	Vốn ngân sách
7	Hồ Định Bình	Bình Định	T15000	2002-2007	580	112	468	Trái phiếu CP
8	Công trình sau TD sông Hinh	Phú Yên	T4100	1999-2006	109.631	22.297	87.334	Vốn ngân sách
9	Hồ Suối Dầu	Khánh Hòa	T3700	1999-2004	144	112	32	Trái phiếu CP
10	Hồ chứa nước Sông Sắt	Ninh Thuận	T4000	2003-2006	123	20	103	Trái phiếu CP
11	Hồ Sông Trâu							



Số thứ tự	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn hết năm 2004	Dự kiến 2005 - 2010	Nguồn vốn
12	Hồ Tân Giang	Ninh Thuận	T3000	1995-2003	148.143	143.617	4.526	Vốn ngân sách
13	Dự án tưới Phan Rí - Phan Thiết	Bình Thuận	T23000	2004-2010	743	18	725	Vốn vay JBIC + NS
14	KCH kênh sông Quao	Bình Thuận	T8120	2000-2006	40,8	25,8	15	Vốn ngân sách
15	Hồ Lòng Sông	Bình Thuận	T4260	1998-2003	162	136	26	Trái phiếu CP

## II. Dự kiến khởi công 2005 - 2010

1	Hồ Bản Mông	Nghệ An		2005-2010	2.600		2.600	Trái phiếu CP
2	Hồ Rào Đá	Quảng Bình		2003-2006	150		150	Trái phiếu CP
3	Hồ Nước Trong	Quảng Ngãi		2004-2010	1.300		1.300	Trái phiếu CP
4	Hồ Quang Hiến	Quảng Ngãi	T450	2005-2010	28		28	Vốn ngân sách
5	Hồ Tả Trạch	Thừa Thiên - Huế		2005-2010	1.081		1.081	Vốn vay JBIC + NS
6	Hồ Quang Hiến	Bình Định	T450	2005-2010	28		28	Vốn ngân sách
7	Hồ Đồng Tiến	Quảng Nam	T750	2005-2010	100		100	Vốn ngân sách
8	Hệ thống tưới Văn Phong	Bình Định	T28000	2005-2010	450		450	Vốn ngân sách
9	Hồ Mỹ Lâm	Phú Yên	T1500	2005-2010	150		150	Vốn ngân sách
10	Hồ Hoa Sơn	Khánh Hòa	T2200	2005-2010	147		147	Vốn ngân sách
11	Hồ Tả Rục	Khánh Hòa	T2510	2005-2010	250		250	Vốn ngân sách
12	Hồ Sông Cạn	Khánh Hòa						
13	Hồ Tân Mỹ	Ninh Thuận	T4000	2005-2010	350		350	Vốn ngân sách
14	Hồ Tả Pao	Bình Thuận	T32000	2005-2010	1.500		1.500	Vốn ngân sách

Số thứ tự	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn hết năm 2004	Dự kiến 2005 - 2010	Nguồn vốn
15	Hồ Sông Móng	Bình Thuận	T4800	2005-2010	230		230	Vốn ngân sách
<b>CÁC DỰ ÁN CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG, BỜ BIỂN</b>								
1	Kè biển Ninh Phú, Hậu Lộc	Thanh Hóa	3.6km	2004-2006	30.2		30	
2	Đê, kè hữu sông Mã từ Hàm Rồng đến Bến Ngự	Thanh Hóa	2.7km	2004-2006	60.4	13	47	
3	Đê Quỳnh Lộc	Nghệ An	4.4km	2004-2005	14.4	5	10	
4	Đê Kênh Thấp, Hưng Nguyên	Nghệ An		2004-2006	40	5	35	
5	Kè Đô Lương	Nghệ An	1km	2005-2006	50		50	
6	Chỉnh trị cửa Nhật Lệ - Bàu Tró	Quảng Bình		2005-2007	87		87	
7	Dự án di dân vùng lũ Hải Lăng	Quảng Trị		2004-2006	25	6	19	
8	Kè Hải Dương - Thuận An	Thừa Thiên - Huế		2005-2007	120		120	
9	Kè Tam Thanh	Quảng Nam		2004-2007	60	5	55	
<b>KHU NEO ĐẬU TRÚ BẢO</b>								
1	Khu neo đậu trú bão Tam Quan	Bình Định		2002-2003	17,9	10	7,9	CT trú bão
2	Nâng cấp cảng cá Cà Ná	Ninh Thuận	1000 tàu	2004-2005	27.6	3	24.6	

Số thứ tự	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn hết năm 2004	Dự kiến 2005 - 2010	Nguồn vốn
3	Khu neo đậu trú bão Thọ Quang	Đà Nẵng	600 tàu	2002-2004	66.46	50	16.46	CT trú bão
4	Khu neo đậu trú bão Hòn La	Quảng Bình	1000 tàu	2002-2004	21.6	11.6	10	CT trú bão
5	Khu neo đậu trú bão Cửa Tùng	Quảng Trị	700 tàu	2003-2006	76.76	13.76	63	CT biển Đông
6	Khu neo đậu trú bão Lạch Hối	Thanh Hóa		2004-2006	39.25	2	37.25	CT trú bão

### THỦY ĐIỆN

	Dự án chuyển tiếp							
1	Thủy điện Nham Hạc và Bản Cốc	Nghệ An	32MW	2003-2006	404			
2	Thủy điện Bản Vẽ	Nghệ An	300MW	2004-2008	4800			
3	Thủy điện Quảng Trị	Quảng Trị	64MW	2003-2007	1409			
4	Thủy điện Bình Điền	Thừa Thiên - Huế	20MW	2004-2006	200			
5	Thủy điện A Vương 1	Quảng Nam	210MW	2003-2007	3900			
6	Thủy điện Sông Tranh 2	Quảng Nam	120MW	2004-2009	1900			
7	Thủy điện Đại Ninh	Bình Thuận	300MW	2003-2008	4585			
8	Thủy điện Bắc Bình	Bình Thuận	35MW	2004-2006	480			
9	Thủy điện Thượng Kon Tum	Quảng Ngãi	110MW	2005-2011	2000			

Số thứ tự	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn hết năm 2004	Dự kiến 2005 - 2010	Nguồn vốn
10	Thủy điện sông Ba Hạ	Phú Yên	250MW	2004-2011	3414			
<b>KHỞ CÔNG MỚI</b>								
1	Nhiệt điện Nghi Sơn	Thanh Hóa	600MW	2010	9500			
2	Nhiệt điện Cửa Đạt	Thanh Hóa	97MW	2008	1580			
3	Thủy điện Thác Muối	Nghệ An	53MW	2007	1000			
4	Thủy điện Sông Côn 2	Quảng Nam	70MW	2010	1000			
5	Thủy điện Dak Rinh	Quảng Ngãi	100MW	2007	1600			
6	Thủy điện An Khê Kanak	Bình Định	163MW	2009	2300			
7	Thủy điện La Ngâu	Bình Thuận	38MW	2006	480			
8	Thủy điện Đan Sách	Bình Thuận	6MW	2007	100			
<b>HẠ TẦNG DU LỊCH</b>								
1	Đường giao thông nội bộ khu du lịch Xuân Thành	Hà Tĩnh	9055m	2005-2006	82,3			
2	Đường trục chính trung tâm khu du lịch Thiên Cẩm	Hà Tĩnh			78,3			
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng	Quảng Bình	25000m		53,4			
4	Nâng cấp mở rộng đường lên Bạch Mã	Thừa Thiên - Huế		2004-2006	30			

Số thứ tự	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí vốn hết năm 2004	Dự kiến 2005 - 2010	Nguồn vốn
5	Đường du lịch ven biển Cảnh Dương	Thừa Thiên - Huế		2003-2006	170			
6	Đường du lịch thanh niên ven biển	Quảng Nam		2002-2005	150			
7	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Đèo Cả - Vũng Rô - Hòa Tân	Phú Yên		2003-2005	19,8			
8	Đường Long Thủy - Đầm Ô Môn - Ghềnh Đá Đĩa	Phú Yên		2004-2005	37,3			
9	Cơ sở hạ tầng dưới chân tháp Pô Klong Grai	Ninh Thuận		2004-2005	11			
10	Hạ tầng khu du lịch Ninh Chữ	Ninh Thuận		2004-2005	13			

# GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đơn vị tính: tỷ đồng

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã có KH đến 2004	KH vốn 2005 - 2010	Nguồn vốn
	<b>Tổng số</b>				<b>68628.2</b>	<b>5421.3</b>	<b>62982.3</b>	
	- Nguồn vốn ODA				14712.6	3137.3	11349.6	
	- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ				19323	580	18743	
	- Nguồn vốn ngân sách				13361.6	1604	11758.7	
	- Nguồn vốn BOT				21231	100	21131	
<b>I.</b>	<b>Đường bộ</b>				<b>53705.6</b>	<b>3092.3</b>	<b>50388.6</b>	
	- Nguồn vốn ODA				10952.6	2283.3	8443.6	
	- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ				19323	580	18743	
	- Nguồn vốn ngân sách				2199	129	2071	
	- Nguồn vốn BOT				21231	100	21131	
1.	Quốc lộ 1A				5083	1950	3133	
	Nguồn ODA				3465	1850	1615	
	Nguồn ngân sách				426	0	426	
	Nguồn BOT				1192	100	1092	
	- Hàm đường bộ qua đèo Hải Vân	Huế - ĐN	14km	02 - 06	3465	1850	1615	ODA
	- Đoạn Hòa Cầm - Vĩnh Điện	ĐN - QN	13km C2	05 - 07	381		381	NS

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã có KH đến 2004	KH vốn 2005 - 2010	Nguồn vốn
	- Đoạn Quán Hành - Quán Bánh	Nghệ An	7km C2	05 - 10	45		45	NS
	- Đoạn tránh TP Thanh Hóa	Thanh Hóa	10km, 4 làn	05 - 08	430		430	BOT
	- Đoạn tránh TP Vinh	Nghệ An	26km C3	03 - 05	362	100	262	BOT
	- Đoạn tránh TX Đông Hới	Quảng Bình	25km C3	06 - 10	400		400	BOT
2.	Đường cao tốc				20039	0	20039	BOT
	- Hà Nội - Ninh Bình	HN - NB	56km, 6 làn	05 - 10	4547		4547	BOT
	- Ninh Bình - Thanh Hóa	NB - TH	100km, 6 làn	05 - 10	8000		8000	BOT
	- Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	ĐN - QN	142km, 4 làn	05 - 10	7492		7492	BOT
3.	Dự án đường Hồ Chí Minh				3260	45	3215	TPCP
	Đường Hồ Chí Minh giai đoạn I				289	45	244	TPCP
	* Tuyến chính							TPCP
	- Đoạn Thanh Hóa - Quảng Nam	TH - QN	1190km C3	00 - 04				TPCP
	* Các công trình tính vào giai đoạn I							TPCP
	- Tuyến Nghi Sơn - Bãi Trành		54km C3	04 - 06	289	45	244	TPCP
	Đường Hồ Chí Minh GD2 (2005 - 2010)				2971	0	2971	TPCP
	* Tuyến chính							TPCP
	- Cam Lộ - Túy Loan		175km	05 - 08	2971		2971	TPCP
4	Đường Vũng Áng - Biên giới							

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã có KH đến 2004	KH vốn 2005 - 2010	Nguồn vốn
	Việt - Lào (bao gồm cả QL 12 tại Quảng Bình)				1053	221	832	TPCP
	- Đoạn Vũng Áng - Xóm Sung	HT - QB	65km C3,C4	02 - 06	788	180	608	TPCP
	- Đoạn Ba Đồn - Tiến Hóa (km0 - km17)	QB	17km C3	04 - 06	123	41	82	TPCP
	- Đoạn Minh Cầm - Đồng Lê (km29 - km53)	QB	24km C4	05 - 06	142		142	TPCP
5.	Quốc lộ 7				1055	260	795	TPCP
	- Đoạn km0 - km36	Nghệ An	36km C3	05 - 07	240		240	TPCP
	- Đoạn Tây Đô Lương - Khe Thơi và nối từ Diễn Châu - Bãi biển Diễn Thành		84km C3	02 - 05	320	110	210	TPCP
	- Đoạn Khe Thơi - Nậm Cắn	Nghệ An	105km C3	02 - 06	495	150	345	TPCP
6.	Các tuyến phía Tây Nghệ An Kỳ Sơn - Quế Phong - Thông Thụ				3097	40	3057	TPCP
	- Đoạn Kỳ Sơn - Quế Phong	Nghệ An	216km C4	05 - 09	2730	20	2710	TPCP
	- Đoạn Quế Phong - Thông Thụ	Nghệ An	46km C5	04 - 07	367	20	347	TPCP
7.	Tuyến Nam Quảng Nam (Tam Kỳ - Trà My - Tác Pô - Đắk Tô)	Quảng Nam	204km C5	05 - 07	2038	7	2031	TPCP
8.	Dự án các tuyến nối các huyện ở phía Tây Thanh Hóa	Thanh Hóa	280km C5	05 - 10	4032	7	4025	TPCP



Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã có KH đến 2004	KH vốn 2005 - 2010	Nguồn vốn
9.	Dự án các tuyến nối các huyện ở phía Tây Nghệ An	Nghệ An	350km C5	06 - 10	2000		2000	TPCP
10.	Tuyến Trà My - Trà Bồng - Dung Quất	QN-Q.Ngãi	84km C1, C5	05 - 08	1500		1500	TPCP
11	Quốc lộ 27 đoạn km174 - km272 và đoạn tránh sân bay Liên Khương	Ninh Thuận, Lâm Đồng	98km C4	05 - 10	500		500	TPCP
12	Khánh Hòa - Đà Lạt	Khánh Hòa, Lâm Đồng	140km C4	04 - 07	788		788	TPCP
13	Nâng cấp cải tạo mạng lưới đường bộ	TH, NA, HT, QB	204km C3, C4	04 - 08	966		966	ODA
14	Nâng cấp QL9 (giai đoạn 2)	Quảng Trị	75km C3	02 - 06	498	200	298	ODA
15	GTNT 3	9 tỉnh			600		600	ODA
16	Cầu GTNT các tỉnh miền Trung	14 tỉnh	34 cầu	02 - 07	572	233	339	ODA
17	Khôi phục cầu yếu các tỉnh		39 cầu	05 - 07	270	0	270	ODA
18	Mạng lưới đường bộ các tỉnh		116km	07 - 11	900	0	700	ODA
19	Mạng lưới giao thông miền Trung		500-800 km	06 - 10	181.6	0.3	155.6	ODA
20	Xây dựng hầm đường bộ Đèo Cả	Phú Yên	6km hầm	07 - 11	3500	0	3500	ODA
21	Quốc lộ 45 đoạn km80 - km111	Thanh Hóa	31km C3	02 - 06	75	28	48	NS
22	Quốc lộ 46 đoạn ngã ba đường Hồ Chí Minh - cửa khẩu Thanh Thủy	Nghệ An	22km C4	01 - 06	153	52	101	NS



Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã có KH đến 2004	KH vốn 2005 - 2010	Nguồn vốn
	- DA đường ga, cống, kiến trúc		73 hạng mục	1996-05	209	99	110	NS
	- DA cải tạo, mở rộng ga Hoàng Mai	Ga HM	4 đường ga + nhà ga	02 - 04	20	4	16	NS
2.	Đoạn Km521 + 800 - km1095 + 540	ĐSTN						NS
	- DA cầu có L < 50 m		74 cầu	1996-05	123	59	64	NS
	- DA đường ga, cống, kiến trúc		51 hạng mục	1996-05	190	67	123	NS
	- DA 12/CT - Đường vòng Thanh Khê	Đà Nẵng	1 nhánh		4	4	0	NS
	- DA ĐS vào kho vật tư II Đà Nẵng	Đà Nẵng	500m + 1 kho	02 - 04	2	1	1	NS
	- DA mở ga Hải Vân	Đèo Hải Vân	1 ga mới	03 - 05	27	8	19	NS
3.	Đoạn km 1095 + 540 - km1726 + 200	ĐSTN						NS
	- DA cầu có L < 50m		183 cầu	1996-05	117	43	74	NS
	- DA đường ga, cống, kiến trúc		116 hạng mục	1997-05	546	297	249	NS
4.	DA đường ngang đường sắt Thống Nhất		1122 điểm	02 - 04	316	62	254	NS
5.	DA bên vũng CSHTĐS miền Trung		170 hạng mục	00 - 05	248	152	96	NS
6.	DA cầu yếu ĐS Thống Nhất		63 cầu	00 - 04	110.9	111	0	NS

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã có KH đến 2004	KH vốn 2005 - 2010	Nguồn vốn
7.	DA đảm bảo an toàn các cầu Bình Lợi, Đồng Nai lớn, Đồng Nai nhỏ	ĐSTN	3 cầu	03 - 04	49	14	35	NS
8.	DA TTTTHĐS Thống Nhất	ĐSTN	733km	1997-04	148	99	49	NS
9.	DA tuyến cáp rẽ nhánh và thiết bị truyền dẫn nối đường trục cáp quang QĐ với mạng TTĐS đoạn Vinh - Nha Trang - ĐSTN	ĐSTN	1295km	04 - 05	248	10	238	NS
10.	Thay thế tà vẹt BT K1, K2, TV sắt bằng TVBT	ĐSTN	1295km	06 - 10	1773		1773	NS
11.	Hiện đại hóa TTTH ĐS Vinh - Sài Gòn	ĐSTN	1407km	06 - 10	1560		1560	ODA
<b>III.</b>	<b>Đường biển</b>				<b>6472.7</b>	<b>1119</b>	<b>5353.7</b>	
	- Vốn ODA				2200	854	1346	
	- Vốn ngân sách				4272.7	265	4007.7	
1	Cải tạo, nâng cấp cảng Cửa Lò	Nghệ An	1,4 triệu T/năm	1996-05	179	117	62	NS
2	Nâng cấp phát triển cảng Cửa Lò đến 2010	Nghệ An	3,5 triệu T/năm	06 - 10	680		680	NS
3	Xây đê chắn cát cảng Cửa Lò	Nghệ An	384m	01 - 05	23	1	22	NS
4	Cải tạo, nâng cấp cảng Quy Nhơn	Bình Định	2 triệu T/năm	01 - 05	250	78	172	NS

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã có KH đến 2004	KH vốn 2005 - 2010	Nguồn vốn
5	Nâng cấp phát triển cảng Quy Nhơn (Nhơn Hội)	Bình Định	2 triệu T/năm	06 - 10	953		953	NS
6	Cải tạo nâng cấp cảng Nha Trang	Khánh Hòa	0,62 triệu T/năm	01 - 05	149	69	80	NS
7	Đền biển đảo Côn Cỏ	Quảng Trị		2005	6.7		6.7	NS
8	Cảng Vũng Áng (GD2 - Bến số 2, đê chắn sóng, kho bãi)	Hà Tĩnh	0,86 triệu T/năm	05 - 09	532		532	NS
9	Nâng cấp cảng Tiên Sa bao gồm cả tuyến tránh HV - Túy Loan (3 bến + 13 km đường)	Đà Nẵng	1 triệu T/năm	00 - 06	2200	854	1346	ODA
10	Xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong	Khánh Hòa	0,5 triệu TEU/năm	06 - 10	1500		1500	NS+ Vay
<b>IV. Hàng không</b>								
	- Vốn ngân sách				2642	100	2542	
1.	Cảng Hàng không Vinh	Nghệ An	700 xe/h					
	Mở rộng đường trục, sân đỗ ô tô và sân đỗ MB		4 chỗ A321	05 - 06	40		40	NS
2.	Cảng Hàng không Đồng Hới	Quảng Bình	A321					
	Đầu tư xây dựng CHK Đồng Hới			04 - 06	212	30	182	NS
3.	Cảng Hàng không QT Đà Nẵng	Đà Nẵng						NS
	Nhà ga hành khách quốc tế		4 triệu HK/năm	05 - 08	1178	40	1138	NS

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Đã có KH đến 2004	KH vốn 2005 - 2010	Nguồn vốn
	Kéo dài đường HCC 35R - 17L		B747	05 - 07	335		335	NS
	Nhà ga hàng hóa		80000 T/năm	08 - 10	200		200	NS
4.	Cảng Hàng không Chu Lai	Quảng Nam						NS
	Khai thác CHK Chu Lai		300HK/h	04 - 06	87	20	67	NS
	Cải tạo đường HCC, đường lăn, sân đỗ MB		A321	06 - 08	200		200	NS
5.	Cảng Hàng không Tuy Hòa	Phú Yên						NS
	Nhà ga hành khách	300Hk/h		06 - 08	40		40	NS
	Kéo dài nâng cấp đường lăn, sân đỗ MB	A321		06 - 07	50		50	NS
6.	Cảng Hàng không Cam Ranh	Khánh Hòa						NS
	Nhà ga hành khách	500Hk/h		05 - 07	200	10	190	NS
	Cải tạo đường HCC, đường lăn, sân đỗ MB	A321		2007	100		100	NS